

Số: 3161/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 03 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 70/TTr-STP ngày 23 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 35 (ba mươi lăm) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *giang*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Lưu: VT, KSTTHC *th*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Xuyên

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I.	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định			

II. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ					
1	Công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
2	Công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.			
3	Thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.			
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải;</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao, Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

III. LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Đăng ký khai sinh	Giải quyết ngay trong ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	4.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.		<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký khai sinh: 4.000đồng/trường hợp; - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc.		4.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	

4	Đăng ký lại khai sinh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn nói trên được kéo dài không quá 13 ngày làm việc.	UBND cấp xã	4.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
5	Đăng ký kết hôn	Giải quyết ngay trong ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc		Miễn lệ phí	
6	Đăng ký lại kết hôn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần phải xác minh (Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký trước đây) thì thời hạn nói trên được kéo dài không quá 13 ngày làm việc.		18.000 đồng/trường hợp. (Miễn lệ phí đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	

7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	12.000 đồng/trường hợp. (Miễn lệ phí trong trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
8	Đăng ký khai tử	Giải quyết ngay trong ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		4.000 đồng/trường hợp. (Miễn lệ phí trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	
9	Đăng ký lại khai tử	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.			
10	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.		12.000 đ/trường hợp. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	

11	Đăng ký giám hộ	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Miễn lệ phí	Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
12	Đăng ký chấm dứt giám hộ.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
13	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	<p>- Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Thủ tục bổ sung hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí trong trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
14	Đăng ký khai sinh lưu động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Tại địa điểm đăng ký khai sinh lưu động	4.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	

15	Đăng ký khai tử lưu động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động	4.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký khai tử trong trường hợp đăng ký đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
16	Đăng ký kết hôn lưu động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	3.000 đồng/bản. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	

IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trong đó: - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao – nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan (theo quy định của Điều 21 Luật nuôi con nuôi).	UBND cấp xã	- 400.000 đ/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05/5/2017 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Miễn lệ phí	

V. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC					
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời gian quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở đi: 1.000 đồng/trang, tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	
4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	

5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở đi: 1.000 đồng/trang, tối đa không quá 200.000 đồng/bản	
6	Chứng thực Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. - Miễn phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản (<i>quy định tại Điều 5 Thông tư 226/2016/TT-BTC</i>) đối với các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. 	Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

7	Chứng thực di chúc	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản			50.000 đồng/văn bản.	
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			50.000 đồng/văn bản.	
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở			50.000 đồng/văn bản.	